

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-PT

Ngày: 20-01-2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như
Ông Nông Bế Chiến

Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Phương Ích C, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Tổ 7, phường NX, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hoàng Minh N - Luật sư của Văn phòng Luật sư H, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: Số nhà 49, tổ 12, phường SH, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

- ***Bị đơn:*** Ông Phương Trung K. *Vắng mặt*

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1959 (theo văn bản ủy quyền ngày 25/3/2021). *Có mặt.*

Cùng nơi X trú: Tổ 18, phường SH, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Phương Ích Q, sinh năm 1969. Nơi X trú: Xóm BG, xã ĐT, huyện T, tỉnh Cao Bằng. *Vắng mặt không có lý do.*

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nông Đình L; trú tại BG, ĐT, T, Cao Bằng. *Vắng mặt có lý do.*

2. Ông Phương Ích B, sinh năm 1960; trú tại BG, ĐT, T, Cao Bằng. *Vắng mặt có lý do.*

3. Ông Phương Đình H, sinh năm 1946; trú tại BG, ĐT, T, Cao Bằng. *Vắng mặt có lý do.*

- *Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 9 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Phương Ích C trình bày như sau:

Sau khi bố mẹ chết có để lại thửa đất tại xóm BG, xã ĐT. Nguồn gốc là do bố mẹ ông khai phá, sau đó được đưa vào Hợp tác xã BG có tên gọi “Nà Giốc 47 bó mạ, sản lượng 235, 14k phải nộp thuế”. Sau này thửa đất trên được tách thành hai thửa là thửa 121, tờ bản đồ 64, diện tích 232,3m² và thửa 212, tờ bản đồ 64, diện tích 524,8m². Thửa 212 tôi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) năm 2004. Còn thửa 121 tại thời điểm Hợp tác xã còn hoạt động thì ông nội của Phương Trung K là Phương Ích S (đã chết) tự ý dựng một ngôi nhà cho em trai Phương Ích K (đã chết). Việc dựng nhà xuống đất ông C được chính ông K thừa nhận trong văn bản chia đất cho Phương Ích X và có nói sau này sẽ thỏa thuận với ông C về việc này (văn bản ngày 26/3/1993, BL34). Vì ông S đã dựng nhà và chúng tôi chưa có thỏa thuận gì nên tôi vẫn để ông S sử dụng. Sau khi ông S chết thì tôi vẫn đồng ý cho con trai ông S là Phương Ích Q tiếp tục quản lý, sử dụng cả nhà và đất thửa 121 vì lúc đó tôi đang ở thị xã Cao Bằng, không có điều kiện canh tác. Không biết vì lý do gì ông Q tự ý kê khai thửa đất 121 của ông vào GCNQSDĐ của ông Q năm 2004. Khi phát hiện việc này, ông đã làm đơn lên UBND xã ĐT giải quyết, do ông Q không đưa ra được chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất nên UBND xã ĐT yêu cầu ông Q tách thửa 121 ra cho UBND xã quản lý, sau này ai chứng minh được nguồn gốc sẽ giao cho người ấy quản lý canh tác. Ông Q cũng thừa nhận thửa đất 121 không phải đất của ông và nhất trí để cấp có thẩm quyền tách thửa đất trên ra khỏi bìa đồ của ông Q rồi giao cho cháu K quản lý, sử dụng. Tiếp đến ngày 21/9/2016, UBND huyện T quyết định thu hồi thửa đất 121 giao cho UBND xã ĐT tạm thời quản lý. Đây là căn cứ để ông tiến hành kê khai xin cấp GCNQSDĐ đối với thửa 121. Tuy nhiên, khi kê khai thì ông Phương Trung K là con ông X (cả ông X, ông K đều đã chết) đến tranh chấp và tự ý tu sửa ngôi nhà trên thửa 121 với mục đích chiếm cả đất và nhà.

Sau đó tôi tiếp tục làm đơn lên UBND xã ĐT giải quyết, tại buổi hòa giải ông K cũng không đưa ra được những chứng cứ tài liệu nào chứng minh nguồn gốc thửa đất 121 cho rằng của ông. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại thửa đất 121, tờ bản đồ 64, diện tích 232,3m²; Bị đơn có trách nhiệm tự tháo dỡ ngôi nhà và các tài sản trên đất giao lại mặt bằng cho ông. Đồng thời, chấm dứt hành vi cản trở nguyên đơn canh tác thửa đất trên.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án sơ thẩm, người được bị đơn ủy quyền Hoàng Thị N trình bày: Bà là vợ của Phương Ích X (đã chết năm 1997) và là mẹ ruột của Phương Trung K. Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là do ông Phương Ích K để lại bằng văn bản ngày 26/3/1993. Đây là tài sản do tổ tiên để lại nên bà không nhất trí trả lại thửa đất trên cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Q trình bày: Anh X là anh trai ruột, chị N là chị dâu, K là cháu ruột của ông. Trước đây có được anh X nói là thửa 121 có nguồn gốc của gia đình ông C, nhưng khi bố ông C chết thì ông X có đi chống gậy nên được gia đình ông C chia cho thửa đất này. Đến năm 1975, bố ông là Phương Ích S dựng ngôi nhà đá nhưng không thấy ông C nói gì. Từ năm 1991 - 2007 ông cùng vợ con và bố sống ở ngôi nhà trên thửa đất 121. Đến năm 2008 thì chuyển về nhà hiện nay đang ở. Thời điểm 1993 -1994 anh X, chị N có giao lại nhà, đất trên thửa 121 cho ông quản lý vì anh chị công tác xa nhà.

Những người làm chứng đều xác nhận nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của bố mẹ ông C, thời điểm ông S dựng nhà cũng có người có ý kiến nhưng lúc đó ông S bảo sau này sẽ đổi đất với ông C sau. Nhưng sau đó không thấy hai người đổi đất với nhau. Thời điểm ông S dựng nhà thì ông C còn nhỏ nên không biết gì.

Ngày 18/8/2021, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá một số tài sản trên đất.

Kết quả thẩm định: Thửa đất tranh chấp là thửa 121, tờ bản đồ 64, diện tích 216,2m². Trên đất hiện nay có 01 ngôi nhà cũ ba gian xây bằng đá, lợp bằng vài tấm tôn màu xanh. 01 cây Xoan hôi đường kính 20cm; 01 cây Muồng đường kính 40cm; 02 cây chuối.

Kết quả định giá: Giá trị ngôi nhà và một số cây trên đất có giá 40.398.000đ (Bốn mươi triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn và người bảo vệ của mình giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả lại thửa đất 121 và chấm dứt hành vi cản trở việc canh tác. Về ngôi nhà và tài sản trên đất, nhất trí bồi thường cho bị đơn theo kết luận của Hội đồng định giá.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà N trình bày: Thừa đất tranh chấp có nguồn gốc do bố chồng chia cho. Việc chia có lập giấy tờ vào ngày 26/3/1993, đây là tài sản thừa kế bố mẹ để lại nên không nhất trí trả lại đất cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Q khai: Về nguồn gốc thừa nhận là của gia đình ông C, nhưng theo anh X nói là sau khi bố ông C chết thì anh X đi chống gậy nên được chia cho thừa đất đang tranh chấp. Vì vậy thừa đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của cháu K là đúng.

Tại bản án sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng đã Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm c khoản 1 Điều 39; Các Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 100, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Phương Trung K trả lại thừa đất 121, tờ bản đồ 64, diện tích 216,2m² cho ông Phương Ích C. Đồng thời, buộc ông K chấm dứt hành vi cản trở nguyên đơn canh tác, quản lý và sử dụng thừa đất trên. Ông C được quản lý, sử dụng ngôi nhà cùng toàn bộ tài sản khác trên thừa đất 121, tờ bản đồ 64, diện tích 216,2m² (có sơ đồ kèm theo).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phương Ích C trả cho ông Phương Trung K, trú tại: Tổ 18, phường SH, thành phố C, tỉnh Cao Bằng số tiền 40.398.000đ (Bốn mươi triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn), nhưng được trừ đi số tiền 5.000.000đ mà ông K phải trả cho ông C. Nay ông C còn phải trả cho ông K số tiền 35.398.000đ (Ba mươi lăm triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn).

3. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: Buộc ông Phương Trung K trả lại cho ông Phương Ích C, trú tại: Tổ 7, phường NX, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng chẵn), nhưng được trừ đi số tiền mà ông C phải trả cho ông K.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn Phương Ích C phải chịu 1.770.000đ nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ. Nay còn phải chịu số tiền 1.470.000đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước. Buộc bị đơn Phương Trung K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, ngày 29/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng có quyết định kháng nghị số 2492/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng, đề nghị Tòa án

nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng giữ nguyên các yêu cầu kháng nghị và trình bày: Bản án sơ thẩm không tuyên tư cần tiếp giáp của phần diện tích đất là thiếu sót, gây khó khăn cho quá trình thi hành án. Thứ hai, HĐXX lấy khoản tiền 40.398.000đ ông C phải trả cho ông K trừ đi số tiền ông K phải chịu chi phí thẩm định là 5.000.000đ rồi mới tính án phí có giá ngạch là chưa chính xác vì đây là hai khoản tiền khác nhau. Thứ ba, tại bản án sơ thẩm mặc dù nguyên đơn Phương Ích C có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên đất cho bị đơn Phương Trung K nhưng lại buộc ông C phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền 1.770.000đ là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đáng lẽ bị đơn Phương Trung K phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần mà mình được hưởng.

Nguyên đơn Phương Ích C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Hoàng Minh Ngọc giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Hoàng Thị N trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm tôi không kháng cáo, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Cao Bằng theo bản kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Phương Ích Cầu nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phương Trung K trả lại quyền sử dụng đất. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Phương Ích C khởi kiện bị đơn Phương Trung K về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp có địa chỉ tại huyện T, tỉnh Cao Bằng nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về tính hợp pháp của Quyết định kháng nghị:

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng tuyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 30/9/2021. Ngày 29/10/2021 Tòa án nhân dân huyện T nhận được kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng. Như vậy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng trong thời hạn luật định tại Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Nội dung kháng nghị: Thứ nhất Bản án sơ thẩm không tuyên tứ cận tiếp giáp của phần diện tích đất tranh chấp là thiếu sót, gây khó khăn cho quá trình thi hành án. Thứ hai, HĐXX lấy khoản tiền 40.398.000đ ông C phải trả cho ông K trừ đi số tiền ông K phải chịu chi phí thẩm định là 5.000.000đ rồi tính án phí có giá ngạch là chưa chính xác vì đây là hai khoản tiền khác nhau. Thứ ba, tại bản án sơ thẩm mặc dù nguyên đơn Phương Ích C có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên đất cho bị đơn Phương Trung K nhưng cấp sơ thẩm buộc ông C phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền 1.770.000đ là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, theo quy định pháp luật thì bị đơn Phương Trung K phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần giá trị mà mình được hưởng.

Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, đối chiếu với các quy định của pháp luật, HĐXX phúc thẩm thấy rằng có căn cứ chấp nhận kháng nghị bởi:

Thứ nhất, việc Tòa án sơ thẩm không tuyên cụ thể về phần tứ cận tiếp giáp, địa chỉ của thửa đất tranh chấp giữa ông Phương Ích C và ông Phương Trung K là chưa rõ ràng gây khó khăn cho việc thi hành án. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phải tuyên cụ thể phần tứ cận tiếp giáp của thửa đất tranh chấp.

Thứ hai, đối với kháng nghị việc nguyên đơn Phương Ích C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần giá trị mà mình có nghĩa vụ. HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù nguyên đơn và bị đơn cùng không có yêu cầu đối với phần tài sản trên đất, nguyên đơn Phương Ích C tự nguyện thanh toán cho ông Phương Trung K số tiền 40.398.000đ. Theo quy định của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì căn cứ xác định nghĩa vụ án phí dựa trên các yêu cầu của đương sự. Mặc dù bị đơn không yêu cầu nhưng khi giải quyết vụ án tòa án phải xác định phần giá trị, bị đơn được hưởng phần giá trị đó do nguyên đơn tự nguyện thanh toán, nên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm thuộc về bị đơn là phù hợp với điểm a thứ hai của khoản 2 Điều 27 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng là có căn cứ chấp nhận.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 282, khoản 2 Điều 308; Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 37; Điểm c khoản 1 Điều 39; Các Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 100, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Phương Trung K trả lại thửa đất 121, tờ bản đồ 64, diện tích 216,2m² cho ông Phương Ích C. Đồng thời, buộc ông K chấm dứt hành vi cản trở nguyên đơn canh tác, quản lý và sử dụng thửa đất trên. Ông C được quản lý, sử dụng ngôi nhà cùng toàn bộ tài sản khác trên thửa đất 121, tờ bản đồ 64, diện tích 216,2m²

Thửa đất 121 tờ bản đồ 64 có tứ cận tiếp giáp sau: Phía Đông giáp đường dân sinh; Phía Tây giáp thửa 212; Phía Nam giáp đường dân sinh; Phía Bắc giáp nương. Địa chỉ tại: Xóm BG, xã ĐT, huyện T, tỉnh Cao Bằng (*có sơ đồ kèm theo*).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phương Ích C trả cho ông Phương Trung K, trú tại: Tổ 18, phường SH, thành phố C, tỉnh Cao Bằng số tiền 40.398.000đ (Bốn mươi triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn), nhưng được trừ đi số tiền 5.000.000đ mà ông K phải trả cho ông C. Nay ông C còn phải trả cho ông K số tiền 35.398.000đ (Ba mươi lăm triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: Buộc ông Phương Trung K trả lại cho ông Phương Ích C, trú tại: Tổ 7, phường NX, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng chẵn), nhưng được trừ đi số tiền mà ông C phải trả cho ông K.

4. Về án phí: Nguyên đơn Phương Ích C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Phương Ích C 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân

sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002351 ngày 09/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Buộc bị đơn Phương Trung K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 2.019.000đ (Hai triệu không trăm mười chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Hà Nam